

BIẾN ĐỔI TÔN GIÁO VÀ ẢNH HƯỞNG TỚI CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

Tóm tắt: Nếu tiếp cận tôn giáo từ góc độ là một phần của hệ thống xã hội, từ chức năng và vai trò mà nó đảm nhiệm, cùng với quan niệm về phát triển bền vững thì tôn giáo thực sự là một yếu tố cấu thành của hệ thống. Nếu bản thân tôn giáo có vấn đề, hay biến đổi thiên lệch, chứa đựng những bất ổn, hoặc suy thoái thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến toàn hệ thống, sẽ làm suy yếu hệ thống. Mặt khác, nếu tôn giáo phát triển mạnh mẽ, nhưng sự phát triển đó lại ảnh hưởng không tích cực đến các yếu tố khác của hệ thống thì đương nhiên cũng sẽ làm cho hệ thống suy yếu. Nói như vậy để thấy được ảnh hưởng của biến đổi tôn giáo trong thực thi chiến lược phát triển bền vững. Trong bài viết này, tác giả đề cập đến một số nội dung về vai trò của tôn giáo và những ảnh hưởng của biến đổi tôn giáo với phát triển bền vững ở Việt Nam.

Từ khóa: Biến đổi; tôn giáo; phát triển bền vững; Việt Nam.

1. Phát triển bền vững một số quan điểm lý luận chung

Phát triển bền vững là khái niệm được Liên Hiệp Quốc khởi xướng trên toàn thế giới vào những năm 80 của thế kỷ XX. Lần đầu tiên khái niệm phát triển bền vững (sustainable development) được đưa vào trong báo cáo *Tương lai của chúng ta* được công bố vào năm 1987. Ủy ban Quốc tế về Môi trường và Phát triển đã đưa ra một định nghĩa về phát triển bền vững như sau: “là sự phát triển đáp ứng những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng đến khả năng của thế hệ tương lai trong việc đáp ứng những nhu cầu của họ”. Sau đó,

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Ngày nhận bài: 12/3/2020; Ngày biên tập: 15/4/2020; Duyệt đăng: 18/5/2020.

khái niệm này được bổ sung hoàn thiện thêm và trở thành chương trình nghị sự ở nhiều quốc gia, và áp dụng trong nhiều lĩnh vực. Với mỗi quốc gia, hay mỗi khu vực, các yếu tố đặc thù được lồng ghép vào để thành chiến lược phát triển bền vững riêng của mỗi quốc gia, mỗi ngành. Tựu trung, phát triển bền vững được quán xuyên trên các mặt: kinh tế, chính trị, an ninh, môi trường với những tiêu chí cụ thể:

- 1) Phát triển kinh tế tăng thu nhập GDP nhưng không làm phương hại đến môi trường và tài nguyên dành cho thế hệ sau;
- 2) Phát triển phải không làm bất ổn an ninh chính trị;
- 3) Phát triển kinh tế phải đảm bảo hài hòa với phát triển xã hội.

Cho đến nay, khía cạnh văn hóa cũng được xem như một chuẩn mực cho phát triển bền vững. Như vậy, về cơ bản, phát triển bền vững dựa trên bốn trụ cột căn bản, đó là kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường.

Khi nói về phát triển bền vững, trước hết phải nói đến sự phát triển hài hòa, cân đối giữa bốn trụ cột nói trên, tức là không được chú trọng đến trụ cột này mà xem nhẹ trụ cột kia. Nếu một trong bốn trụ cột không phát triển, hoặc phát triển kém, v.v... thì chưa thể gọi là phát triển bền vững. Mặt khác, sự phát triển của các trụ cột không được ảnh hưởng xấu, hay cản trở sự phát triển của các trụ cột khác. Nói cách khác, trong bốn trụ cột nói trên không có cái gọi là trụ cột chính, trụ cột phụ. Tất nhiên, tùy từng giai đoạn khác nhau và những điều kiện khách quan, chủ quan khác nhau mà có thể ưu tiên một hoặc vài trụ cột nào đó.

Mặt khác, phát triển bền vững còn có nghĩa là bản thân mỗi trụ cột: kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường cũng phải được phát triển một cách bền vững. Sự phát triển bền vững tự thân của các trụ cột sẽ góp phần vào sự phát triển bền vững nói chung. Yếu tố được xác định là quan trọng trong phát triển bền vững chính là con người. Con người là trung tâm, mục tiêu của phát triển bền vững và cũng là yếu tố then chốt tham gia vào toàn bộ quá trình phát triển bền

vững. Con người vừa là yếu tố quyết định của phát triển bền vững và cũng là tác nhân đem lại sự mất cân bằng. Ở Việt Nam, phát triển bền vững chỉ mới được đặt ra trong thời gian gần đây khi mà bên cạnh những thành quả phát triển kinh tế đã đạt được là những hậu quả nặng nề về ô nhiễm môi trường, tài nguyên thiên nhiên bị khai thác bừa bãi, cạn kiệt, nhiều giá trị văn hóa truyền thống bị mai một, v.v... Nhiều nghiên cứu về phát triển bền vững đã được tiến hành, nhiều hội thảo, tọa đàm về phát triển bền vững đã được tổ chức, thu hút sự chú ý của cả giới khoa học, các nhà lãnh đạo, quản lý, cũng như toàn xã hội. Một trong những chủ đề được quan tâm đó là *vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững*.

Cùng với nhận thức mới của thế giới: văn hóa được khẳng định là một “thành tố cơ bản của phát triển bền vững; văn hóa như là trụ cột thứ tư của phát triển bền vững”¹. Đảng và Nhà nước ta xác định “văn hóa là mục tiêu, là động lực, là nền tảng tinh thần của sự phát triển đất nước”². Trong bối cảnh hiện nay, văn hóa còn được xem là tiêu chí, thước đo của phát triển bền vững³.

Với tư cách là hạt nhân, thành tố của văn hóa, tôn giáo tham gia như thế nào và bằng cách nào vào phát triển bền vững? Trong bối cảnh có nhiều biến đổi mạnh mẽ về lối sống và thuần phong mỹ tục, cũng như sự suy thoái về đạo đức hiện nay, tôn giáo với những giá trị tự thân (luân lý, thẩm mỹ, giáo dục...) đóng vai trò gì, có thể tham gia vào những công đoạn nào của phát triển kinh tế, xã hội, đặc biệt là xây dựng nhân cách đạo đức con người? Đây là điều mà chúng tôi trăn trở và cố gắng lý giải trong mối quan hệ này. Thời gian gần đây, xã hội đã thừa nhận văn hóa có thể đóng góp một cách trực tiếp và gián tiếp cho phát triển kinh tế, ổn định xã hội và bảo vệ môi trường. Đa dạng văn hóa sẽ tạo nên một thế giới phong phú, đa dạng, làm tăng các khả năng lựa chọn, nuôi dưỡng các tiềm năng con người, nuôi dưỡng khả năng sáng tạo. Khi đó, tôn giáo cũng được xem như một nguồn lực xã hội. Các giá trị tôn giáo sẽ góp phần chi phối, thậm chí tạo ra những giá trị xã hội mới.

2. Vai trò của tôn giáo trong phát triển bền vững

Thứ nhất, tôn giáo, với tư cách là bộ đỡ tâm linh, tinh thần cho con người, mà con người là động lực, mục tiêu và là tác nhân chính trong phát triển bền vững, vì vậy đương nhiên tôn giáo có vai trò quan trọng đối với phát triển nói chung và đối với phát triển bền vững nói riêng. Trước hết, tôn giáo tham gia vào sự phát triển bền vững với *vai trò là cái đáp ứng nhu cầu tinh thần của xã hội, mà trực tiếp và cụ thể là nhu cầu của tín đồ các tôn giáo*. Nghị quyết số 24/NQ-TW ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị đã xác định tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Nếu tính đến cả những cá nhân, cộng đồng thờ cúng tổ tiên thì có lẽ bộ phận này ở Việt Nam chiếm đến 90% dân số. Trong bối cảnh đa dạng tôn giáo như ở Việt Nam, tôn giáo đã và đang biến đổi rất mạnh mẽ trong những năm gần đây thì việc xem xét mối quan hệ giữa biến đổi tôn giáo với phát triển bền vững là cần thiết.

Tôn giáo tham gia vào phát triển bền vững như thế nào? Và theo cách nào để tôn giáo có thể tác động vào phát triển bền vững theo hướng tích cực có thể nhìn nhận trên một số khía cạnh sau đây:

Ở khía cạnh *góp phần ổn định đời sống tinh thần con người, tôn giáo đã mang lại những tác dụng hữu hiệu*. Thực tế cho thấy một xã hội phát triển bền vững nghĩa là phải đáp ứng đầy đủ cả nhu cầu vật chất và nhu cầu tinh thần của xã hội đó, do vậy phát triển bền vững phải tính đến yếu tố tôn giáo, phải tạo điều kiện cho tôn giáo tham gia vào phát triển xã hội và phát huy được vai trò của tôn giáo trong việc đáp ứng nhu cầu an ninh tinh thần của xã hội. Ở góc độ này, khi xem xét vào thực tế ở Việt Nam, chúng ta thấy tôn giáo, thực hành tôn giáo đã góp phần thỏa mãn nhu cầu tinh thần, nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo cho khoảng gần 90% dân số.

Trên phương diện kinh tế - xã hội, tôn giáo đã và đang tham gia vào phát triển bền vững với tư cách là một nguồn lực của sự phát triển xã hội. Một trong những yêu cầu của phát triển bền vững là phát huy được các nguồn lực đóng góp cho sự phát triển. Đó không

chỉ là nguồn lực vật chất mà còn là nguồn lực tinh thần cho sự phát triển. Vấn đề tôn giáo là một nguồn lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội đã được rộng rãi các nhà nghiên cứu thừa nhận. Hội thảo khoa học do Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức hồi tháng 10/2018 tại Hà Nội đã một lần nữa khẳng định tôn giáo là nguồn lực xã hội thể hiện trên nhiều mặt, như: tạo ra vốn kinh tế, vốn xã hội, hệ thống an sinh xã hội, an ninh tinh thần,... Có thể nhận biết dễ nhất là sự đóng góp của nhiều tôn giáo ở Việt Nam vào các lĩnh vực từ thiện xã hội, cứu trợ xã hội, an sinh xã hội, giáo dục, y tế, và an ninh tinh thần, v.v...

Trên phương diện chính trị, vai trò của tôn giáo trong phát triển bền vững còn phải được xem xét ở mối quan hệ của nó với chính trị. Phần lớn các nhà nước, các chế độ hiện nay đều tổ chức theo nguyên tắc phân ly giữa nhà nước và giáo hội, giữa thần quyền và thế quyền, nhưng điều đó không có nghĩa rằng tôn giáo hoàn toàn không có vai trò gì đối với chính trị. Với tư cách là một lực lượng xã hội, mặc dù không tham gia bộ máy chính quyền, không giữ quyền lực chính trị, nhưng quyền lực của tôn giáo có vai trò không nhỏ đối với an ninh quốc gia và có tác động đến chính trường chính trị. Các quyết sách chính trị, các chính sách của các quốc gia không thể không tính đến yếu tố tôn giáo và khi có tiếng nói từ phía tôn giáo về một vấn đề gì đó trong phạm vi quốc gia hoặc trên phạm vi toàn thế giới, chính phủ và các nhà nước không thể “phớt lờ”. Sự kiện năm 1963 với việc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức để phản đối chính sách đàn áp Phật tử của chính quyền Ngô Đình Diệm đã như một giọt nước tràn ly làm dấy lên phong trào phản đối chế độ độc tài. Mặc dù không trực tiếp đưa đến sự thất bại của chính quyền Ngô Đình Diệm nhưng không thể phủ nhận ảnh hưởng của Phật giáo với thể chế chính trị lúc bấy giờ.

Trên phương diện bảo vệ môi trường, tôn giáo cũng có vai trò không nhỏ. Về phương diện giáo lý, không có một tôn giáo nào yêu cầu con người tàn phá môi trường tự nhiên, ngược lại các tôn giáo

đều khuyên con người đối xử với tự nhiên như đối xử với người khác. Các tín đồ tôn giáo được răn dạy cần phải biết bảo vệ môi trường. Bản thân các tôn giáo cũng tích cực trong các hoạt động bảo vệ, gìn giữ môi trường tự nhiên.

Tồn tại với tư cách là một thành tố của văn hóa (có quan điểm thì coi tôn giáo là hạt nhân, cốt lõi của văn hóa), tôn giáo tham gia một cách trực tiếp vào quá trình định hình bản sắc văn hóa tộc người, dân tộc. Tôn giáo cũng trực tiếp tạo ra phong tục tập quán, thậm chí lối tư duy và hành xử của cá nhân, cộng đồng. Nhiều bằng chứng đã cho thấy tư duy sống hài hòa với thiên nhiên trong quá khứ của người Việt Nam đều xuất phát từ tư duy đa thần, coi hiện tượng tự nhiên có thần. Khi các tộc người ở Tây Nguyên đổi và cải đạo theo đạo Tin Lành và Công giáo đã kéo theo hàng loạt các thay đổi về lối sống và tạo tác văn hóa...

Như vậy, khi xem xét các yếu tố cấu thành nên hệ thống hiện nay đó là: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, tôn giáo, an ninh quốc phòng, môi trường, an ninh con người... và khi xếp tôn giáo như là một yếu tố bên cạnh các yếu tố khác mà không phải nằm trong yếu tố xã hội hay văn hóa, là muốn nhấn mạnh đến vai trò, vị trí của tôn giáo. Thực tế ở Việt Nam cho thấy, tôn giáo có sự tác động không nhỏ đến văn hóa, lối sống, cách hành xử, thậm chí cả với chính trị. Bài học của chính sách cấm đạo, sát đạo thời Minh Mạng; bài học quy tất cả tôn giáo truyền thống là mê tín dị đoan những năm 1954-1980 đã cho thấy những hệ lụy khôn lường về an ninh chính trị và gây ra những tổn thất không nhỏ cho di sản văn hóa vật thể và để lại những biểu hiện mất nhân tính của con người ở nhiều lúc, nhiều nơi. Đặc biệt, với hàng loạt vấn đề của vùng miền núi phía Bắc những năm 2000 liên quan tới hiện tượng mang tính tôn giáo như Vàng Trứ, nhân vật Dương Văn Minh; những phức tạp của Tây Nguyên trong một thời gian dài với khoảng trống, thiếu hụt của tôn giáo bản địa và sự xâm nhập mạnh mẽ của các tôn giáo ngoại nhập đã cho thấy mối quan hệ giữa tôn giáo với chính trị, với an ninh quốc phòng, với các vấn đề văn hóa xã hội khác rất rõ nét. Sự phức

tập của yếu tố tôn giáo đã tạo nên những hệ lụy và ảnh hưởng to lớn của nó đến phát triển nói chung như ở một số vùng trong thời gian qua. Với vị trí và tầm quan trọng đó, cho nên khi nói đến Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ, chúng ta không thể không nhắc đến tôn giáo và vai trò của nó. Do vậy, tôn giáo cần phải được xem xét trong mọi khía cạnh phát triển.

Với cách tiếp cận này, tôn giáo như là một phần của hệ thống xã hội, từ chức năng và vai trò mà nó đảm nhiệm - một phần cơ bản trong phát triển con người (phần tinh thần) cùng với quan niệm về phát triển bền vững như trình bày ở trên, chúng ta thấy *tôn giáo thực sự là một yếu tố cấu thành của hệ thống*. Do vậy nếu bản thân tôn giáo có vấn đề, hay biến đổi thiên lệch, chứa đựng những bất ổn, hoặc suy thoái thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến toàn hệ thống, sẽ làm suy yếu hệ thống. Mặt khác, nếu tôn giáo phát triển mạnh mẽ, nhưng sự phát triển đó lại ảnh hưởng không tích cực đến các yếu tố khác của hệ thống thì đương nhiên cũng sẽ làm cho hệ thống suy yếu. Nói như vậy để thấy được tác động của biến đổi tôn giáo trong phát triển bền vững là không nhỏ.

Cụ thể và dễ nhận biết nhất trong vai trò của tôn giáo đối với con người và xã hội hiện nay đó là vai trò *thỏa mãn nhu cầu tinh thần của người dân*, đặc biệt là các tín đồ. Trên thực tế cuộc sống của con người luôn đòi hỏi hai nhu cầu cần thỏa mãn là tinh thần và vật chất. Tuy nhiên ở những nước kém phát triển thì yếu tố vật chất vẫn còn đặt lên hàng đầu, vì vậy nhu cầu đáp ứng đời sống tinh thần bị đặt ở hàng thứ yếu, chính vì vậy nhiều lúc, nhiều nơi nó trở nên bức thiết

Đến với tôn giáo, các cộng đồng người ở Việt Nam không chỉ được thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo, nhu cầu tâm linh, mà còn được tham gia vào các hoạt động mang tính cộng đồng. Họ gia nhập vào một trật tự cộng đồng mới (cộng đồng đức tin) được hiểu biết thêm về những kiến thức mới trong cuộc sống, trong ứng xử. Họ thấy tự tin hơn trong giao tiếp xã hội, được mở rộng các mối quan hệ xã hội, được vui chơi, ca hát, v.v... Như vậy tham gia

vào các sinh hoạt và thực hành tôn giáo các cá nhân được hòa vào trong một cộng đồng lớn có chung các quan điểm, giá trị, niềm tin. Điều này giúp họ an ổn, hạnh phúc hơn trên phương diện đời sống tinh thần vốn rất thiếu thốn, thậm chí nghèo nàn nhiều lúc nhiều nơi, nhất là các vùng sâu, vùng xa, vùng tộc người thiểu số. “Khi tiến hành khảo sát đồng bào dân tộc thiểu số ở nhiều nơi, hầu hết những người được hỏi (hỏi trực tiếp) đều trả lời rằng họ rất vui, hạnh phúc và cảm thấy được an ủi, được động viên, chia sẻ khi đến với tôn giáo. Việc tham gia các hoạt động tôn giáo ít nhiều có ảnh hưởng đến công việc làm ăn, đến kinh tế của bản thân và gia đình họ”⁴.

Với đặc tính của mình, tôn giáo đã tạo ra cái “thiết chế” để thỏa mãn nhu cầu tinh thần của con người mà không một “thiết chế” nào có thể thay thế được. Trước hết, tôn giáo mang tính thiêng. Việc mang tính “thiêng” để thỏa mãn đời sống tinh thần, đời sống tâm linh của con người là một đặc thù của tôn giáo. Nhưng bên cạnh đó, việc mang tính thiêng có tác dụng xoa dịu những tổn thương, tạo ra những bù đắp tinh thần khiến con người ta còn hy vọng cũng là điểm mà tôn giáo thỏa mãn đời sống tinh thần của con người. Bên cạnh đó, tham gia vào các hoạt động tôn giáo, các cá nhân được hòa mình vào tập thể cùng niềm tin, từ đó nhận được sự trợ giúp của cộng đồng tôn giáo. Bằng nhiều hình thức khác nhau, các cộng đồng tôn giáo đã góp phần tạo ra vốn xã hội, cơ hội cho các cá nhân, gia đình trong các hoạt động sống khác⁵. Điều này góp phần củng cố niềm tin tôn giáo. Các hoạt động tôn giáo từ đó có sức hút mạnh mẽ đối với các tín đồ, bởi nó vừa chứa đựng “tính thiêng”, nhưng đồng thời nó cũng đem lại nhiều lợi ích khác. Do vậy, có thể thấy *tôn giáo thường tạo ra một cộng đồng có tính bền chặt*. Chính việc thỏa mãn nhu cầu tinh thần của con người trên phương diện “tính thiêng” và các phương diện khác đã khiến cho tôn giáo có một sức sống lâu bền. Ở góc độ này, có thể ví tôn giáo như một “đảm bảo”, và một khi đã “được đảm bảo” rồi thì không mấy người có thể bỏ đi được.

3. Biến đổi tôn giáo và ảnh hưởng đến chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam

Vấn đề đặt ra ở đây là biến đổi tôn giáo hiện nay đang diễn ra như thế nào và sự biến đổi đó ảnh hưởng như thế nào đối với chiến lược phát triển bền vững hiện nay? Thực tiễn nào chứng tỏ rằng biến đổi tôn giáo có tác động đến phát triển bền vững? và Nhà nước cần có những chính sách gì để phát huy vai trò tích cực của tôn giáo nhằm phục vụ phát triển bền vững?

Biến đổi tôn giáo đã và đang diễn ra theo những hướng nào?

Nói đến sự biến đổi của tôn giáo tức là nói đến tình trạng dịch chuyển, đang thay đổi của tôn giáo đối với chính nó trong quá khứ. Đã là thay đổi, dịch chuyển thì có thể theo hướng tích cực hoặc tiêu cực.

Nếu theo hướng tích cực thì những ảnh hưởng của nó tới phát triển bền vững chính là tạo ra một thể trạng tinh thần lành mạnh cho cá nhân, gia đình và xã hội. Một con người nói riêng khi đời sống tinh thần được chăm sóc chu đáo, được lớn lên trong một môi trường an lành với những giá trị đạo đức mang tính khuôn mẫu và phù hợp sẽ tạo cho cá nhân đó một lối sống lành mạnh, thiện lương. Ổn định diện xã hội khi cả xã hội được bao phủ bởi một đời sống tôn giáo lành mạnh cũng sẽ gia tăng các quan hệ tốt đẹp giữa người - người, niềm tin trong xã hội được củng cố, chỉ số hạnh phúc vì thế sẽ gia tăng. Các giá trị văn hóa, thẩm mỹ và luân lý của tôn giáo nếu được phát huy trong đời sống dân chúng, thấm đẫm trong tư duy, cách nghĩ sẽ quy định lối sống, lối ứng xử trên bình diện xã hội sẽ khiến xã hội bớt bạo lực, hài hòa với thiên nhiên và con người ta hành xử với nhau nhân văn hơn.

Một lập luận khác trên khía cạnh kinh tế cho thấy biến đổi tôn giáo theo hướng tích cực sẽ tạo ra những hệ giá trị mới phù hợp với các chủ thể kinh tế hiện nay. Vì vậy, tác động của nó không phải là làm ra những khối tài sản cụ thể mà là *đi tìm những giá trị, hệ giá trị mà tôn giáo tạo ra trong hành vi thái độ của các chủ thể tham*

gia các hoạt động kinh tế hiện nay. Điều đó có nghĩa là các giá trị đạo đức tôn giáo mới hình thành đã và sẽ tham gia vào các quan hệ kinh tế và quy định thái độ làm kinh tế như thế nào.

Là một thực thể xã hội đặc thù, nơi liên kết của các cộng đoàn cùng đức tin và những ý niệm về một đối tượng thiêng tuyệt đối, tôn giáo xưa cũng như nay đã thực hiện nhiều chức năng xã hội, trong đó chức năng là bệ đỡ tinh thần cho con người dường như là chức năng nổi trội. Đến với tôn giáo ở những hoàn cảnh khác nhau, mang những sắc thái tâm lý dân tộc, văn hóa khác nhau nhưng đều có một điểm chung đó là khi con người cá thể thấy mình bất lực, yếu đuối trước thực tại xã hội, họ tìm đến *tôn giáo để mong tìm lại sự yên ổn, an lạc và một đời sống tinh thần lành mạnh*. Trên thế giới nhiều công trình khoa học đã chứng minh bằng số liệu về sự liên kết chặt chẽ giữa tín ngưỡng và trạng thái hạnh phúc (well-being) với cuộc sống. Các phát hiện của Chaeyoon Lim and Robert D. Putnam đã chỉ ra rằng những người có tôn giáo thì *mức độ hài lòng với cuộc sống* (happy life satisfaction - HLS) của họ cũng cao hơn.

Gần đây, những nhà nghiên cứu khoa học xã hội theo hướng liên ngành mới bắt đầu tìm hiểu về hạnh phúc và *mức độ hài lòng với cuộc sống* trong mối quan hệ với tôn giáo⁶. Một vài nghiên cứu khác nhấn mạnh đến mạng lưới xã hội mà con người tìm thấy trong các tổ chức tôn giáo, như là nguồn gốc chính của *mức độ hài lòng với cuộc sống*⁷. Các công trình này đã chỉ ra rằng, tần số tham dự các nghi lễ tôn giáo có tương quan nhất quán với *trạng thái hạnh phúc chủ quan* (Ferriss, 2002) mặc dù một vài nghiên cứu khác lại cho rằng những chiều cạnh bên trong và tâm linh của tôn giáo cũng có quan hệ với *trạng thái hạnh phúc chủ quan* (Ellison, 1991; Greely và Hout, 2006; Krause, 2003). Một nghiên cứu những người già theo đạo Cơ đốc (Krause, 2006) lại thấy rằng, những người có hoài nghi đối với đức tin tôn giáo thì *trạng thái hạnh phúc chủ quan* trong tâm lý của họ lại thấp hơn. Điều này cũng đã được kiểm chứng trong lịch sử phát triển tôn giáo và xã hội ở Việt Nam.

Trong quá khứ khi nhà Trần thống nhất các dòng thiền ở Việt Nam và lập ra một dòng thiền mới - Trúc Lâm, thì điều dễ nhận thấy nhất ở dòng thiền này là sự nhập thể chứ không xuất thế. Chính sự nhập thể này của Phật giáo Trúc Lâm mà một bình diện xã hội hết sức mới mẻ đã được tạo ra và phát triển dưới thời Trần. Gần như mọi tầng lớp, từ quý tộc đến bình dân, đều tham thiền theo Phật để an lạc thân tâm nhưng lại không hề xa rời cuộc sống. Tư tưởng thân dân, từ bi là hành xử cơ bản của quý tộc nhà Trần. Chính vì vậy mà thời gian này đã tạo ra những con người lưỡng giá trị: nhà vua - nhà thiền học (Trần Nhân Tông); chính khách - nhà tu hành (Tuệ Trung Thượng sĩ)... và lịch sử đã ghi nhận giá trị Phật giáo đương thời đã góp phần làm nên sức mạnh của quân dân nhà Trần, đóng vai trò không nhỏ trong chiến thắng chống xâm lược Nguyên Mông, cũng như phát triển kinh tế điền trang thái ấp, đặc biệt là để lại cho hậu thế những di sản văn hóa vật thể rất giá trị. Như vậy, biến đổi tôn giáo ở đây đã tạo ra hệ giá trị mới và hệ giá trị đó trở thành nền tảng đạo đức, lối sống lối hành xử của cả xã hội đương thời mà chuyên xoay được thế cục.

Thực tế biến đổi tôn giáo nói chung và biến đổi tôn giáo dân gian nói riêng ở Việt Nam trong 20 năm trở lại đây cũng cho thấy những tác động tích cực rất rõ nét trên các khía cạnh xã hội. Cụ thể, biến đổi tôn giáo dân gian đã tạo ra cú hích làm đa dạng hóa các loại hình tôn giáo dân gian vốn đã từng mai một, thậm chí biến mất trong dân gian nay được phục hồi lại, để tạo ra những sản phẩm du lịch đặc thù, các địa phương đã kích thích và gia tăng vượt trội khuynh hướng đa dạng hóa nguồn lực xã hội. Từ điểm này mà nhiều địa phương đã huy động được toàn dân tham gia vào trùng tu, tôn tạo, phục hồi nhiều di sản văn hóa vật thể vốn đã xuống cấp hoặc mất đi trong các giai đoạn trước. Đặc biệt, các tôn giáo lớn (Phật giáo, Công giáo, đạo Tin Lành...) với khuynh hướng nhập thể hiện nay đã và đang tham gia vào hệ thống dịch vụ công, cùng với Nhà nước đảm bảo một phần an sinh xã hội cho cộng đồng là điều không thể phủ nhận. Hệ thống các cơ sở chữa bệnh bằng y học cổ

truyền của Phật giáo, hệ thống xe chuyên chở bệnh nhân nghèo của Phật giáo Hòa Hảo, hệ thống trường mầm non của Công giáo, hay các chương trình bữa cơm từ thiện cho bệnh nhân nghèo mà các tôn giáo đang làm ở các bệnh viện lớn... là những ví dụ cụ thể.

Ở khía cạnh tiêu cực, khi tôn giáo có quá nhiều thay đổi về mặt chức năng sẽ dẫn tới mức biến tướng, sa đà vào vật chất hóa các nghi lễ, dẫn đến gây tốn kém cho chủ thể thực hành tôn giáo và ảnh hưởng không nhỏ đến kinh tế của cá nhân và gia đình. Đó là chưa kể khi các biến tướng càng trầm trọng thì cơ sở tôn giáo đáng lẽ là nơi cung cấp cho con người ta sự thông tuệ (do tu hành mà ngộ) hoặc an ủi tâm hồn, chỗ dựa cho tinh thần mệt mỏi (do thực hành nghi lễ mà hy vọng được bảo trợ) thì lại trở thành các dịch vụ tâm linh tôn giáo và những dịch vụ dạng này “móc túi” người dân một cách khá dễ dàng. Điều đáng nói ở loại hình dịch vụ này là những tư vấn, kết quả mơ hồ nhưng lại có thể khiến các cá nhân, gia đình khuynh gia bại sản vì chạy theo những thực hành nghi lễ tốn kém. Thậm chí những lời khuyên bảo (mang danh thần thánh) còn có thể khiến gia đình tan nát, vợ chồng liana nhau. Hiện tượng dâng sao giải hạn, phả độ gia tiên hay thờ Kumathong, hoặc thỉnh bùa ngải về trong nhà, hoặc tổ chức giải nghiệp vong âm ở một số cơ sở thờ tự ở Việt Nam trong những năm gần đây là những ví dụ điển hình về biến đổi tôn giáo dân gian theo hướng tiêu cực gây nhiều hậu quả.

Ở một khía cạnh khác, khi biến đổi tôn giáo khiến nảy sinh quá nhiều các tôn giáo mới sẽ gây tâm lý nghi ngờ, hoang loạn trong dân chúng vì không biết đúng sai, thật giả. Sự lôi kéo của các chủ thể tôn giáo mới thời gian qua đã gây hại đến ổn định an ninh tinh thần và gây bất ổn trong đời sống cá nhân, gia đình và cộng đồng. Sự kiện Hội Đức Chúa Trời Mẹ ở Hà Nội và nhiều địa phương trong cả nước cũng đã gây ra khá nhiều hệ lụy khi mà có không ít các gia đình tin theo mà đập bỏ bàn thờ gia tiên, bỏ lễ giỗ tết, từ chối tham gia nhiều hoạt động phong tục tập quán tốt đẹp của địa phương chỉ vì liên quan tới thần thánh.

Biến đổi tôn giáo dân gian còn gây tổn hại về di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Sự phá vỡ về cấu trúc kiến trúc, chất liệu, làm mất đi giá trị nghệ thuật, giá trị tôn giáo và làm biến tướng các di sản tôn giáo dân gian sẽ để lại di họa cho các thế hệ tương lai. Các yếu tố mật mã văn hóa, bản sắc tộc người, ý thức hệ của một dân tộc gói/ẩn trong các thực hành tôn giáo đang bị mai một, bị làm giả hiệu thì đây là di họa cho thế hệ sau, vì chúng bị và được xem như những sản phẩm giả cũng là vấn đề đặt ra hiện nay khi xu thế trùng tu tôn tạo các cơ sở tôn giáo dân gian đã và đang diễn ra rầm rộ và nhiều lúc, nhiều nơi không kiểm soát nổi. Đã có những tình trạng sản phẩm thật có giá trị nhưng chỉ vì cũ, lâu đời mà bị vứt bỏ tràn lan dẫn đến bằng gỗ thì mục nát, bằng đá thì vỡ nằm ngổn ngang cạnh các di tích. Trong khi đó lại đưa những sản phẩm giả hiệu lai căng vào đặt trang trọng trước cửa di tích mà sự kiện chùa Trăm gian, đền thờ Mẫu (Hiệp Hòa, Bắc Giang) nay biến thành chùa thờ Phật với vô vàn cột đá xanh, bia đá vút ngổn ngang phía ngoài khu thờ cúng. Bên cạnh đó là nhiều điều đáng bàn về kiến trúc của cơ sở tôn giáo này khi mà nhìn bên ngoài không ra đình, cũng chẳng ra chùa, hơn nữa lại đang tọa lạc giữa khu chợ cá rất mất vệ sinh; hoặc đền thờ Bà Chúa Dâu Tằm trên núi Kì Lân (Phượng Cách, Quốc Oai) bị đập bỏ, tượng bà chúa, sắc phong biến mất, đã dẫn đến mâu thuẫn nặng nề giữa dân làng và chính quyền địa phương tại Phượng Cách là những ví dụ. Tại chùa Láng ngay giữa lòng thành phố Hà Nội, sau khi trùng tu thì đôi rồng đá bậc thềm bị đặt ngược; hoặc tình trạng đặt sư tử đá (theo mô tuýp dữ dằn, vốn là linh vật canh mộ ở Trung Quốc) ở trước cửa các công trình đình, đền ở Việt Nam. Tình trạng này đã từng bị rất nhiều nhà khoa học phản đối trong một số năm gần đây.

Việc chuyển đổi các cơ sở tôn giáo dân gian thành “sản phẩm du lịch đặc trưng” của các địa phương trong cả nước những năm gần đây đã thúc đẩy nhanh hơn quá trình biến đổi của tôn giáo dân gian. Tuy nhiên, với không gian và kiến trúc hạ tầng chưa đồng bộ để đón hàng triệu, chục triệu lượt khách đã khiến nhiều cơ sở tôn

giáo dân gian rơi vào tình trạng chen lấn xô đẩy, thậm chí hỗn loạn như đã thấy thời gian gần đây. Nạn buôn bán hàng lưu niệm, hàng ăn uống tràn lan dẫn tới rác thải và ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đó là chưa kể tình trạng coi nói, xây thêm điện thờ, khiến các cơ sở này không còn khoảng trống cho người dân dừng chân, trú nghỉ thậm chí sắp lễ dẫn đến tình trạng chen lấn, xô đẩy và nạn bắt chẹt khách gửi xe, trộm cắp móc túi tràn lan ở rất nhiều cơ sở tôn giáo dân gian trong mùa lễ hội.

Một điển hình tác động xấu của biến đổi tôn giáo dân gian là tình trạng tổ chức thực hành nghi lễ lên đồng hầu bóng tràn lan đang diễn ra ở khắp các nơi trên toàn miền Bắc Việt Nam. Cùng với các cuộc liên hoan thực hành nghi lễ tam, tứ phủ tại các đền, phủ lớn nhằm vinh danh di sản văn hóa thế giới là hàng loạt các hành vi lạm dụng thực hành nghi lễ với những biến tướng khó chấp nhận khi mà mang cả thực hành nghi lễ tôn giáo biểu diễn góc phố chợ, tại quán café, quán ăn....Nơi nơi tổ chức lên đồng hầu bóng, cá nhân mở điện tư gia nhiều vô kể, khăn áo thực hành nghi lễ cứ thế chạy theo thị hiếu cá nhân mà bung ra lòe loẹt không theo bất cứ một chuẩn mực nào. Thực hành nghi lễ tâm linh đã và đang có khuynh hướng trở thành thứ biểu diễn tạp kỹ. Tình hình này đã kéo theo rất nhiều dư luận xã hội bức xúc, nhất là với các thanh đồng, nghệ nhân trung thành với nghi lễ truyền thống và chuẩn mực tôn giáo. Bên cạnh đó, vì chạy theo những mục đích kinh tế, lợi nhuận, còn xảy ra tình trạng cạnh tranh thiếu lành mạnh giữa các cơ sở thờ Mẫu. Điều này diễn ra ngay cả ở quê hương gốc của loại hình tôn giáo dân gian này. Tình trạng “chạy theo di sản thờ Mẫu”, Mẫu hóa các cơ sở tôn giáo dân gian cũng đang làm mất đi bản sắc riêng của nhiều địa phương. Rất nhiều cơ sở tôn giáo dân gian ở các địa phương đã tự ý đưa thêm thần điện tam, tứ phủ vào thờ cúng nhằm thu hút các tín đồ thờ Mẫu. Ngay tại cơ sở thờ Thăng Long Tứ Trấn ở Hà Nội cũng đang bị biến tấu với những sắc thái này⁸, thậm chí để làm hài lòng, hay thu hút nguồn lực của cá nhân, doanh nghiệp, tại đình Kim Liên còn đưa Tả Ao (một ông thầy phong

thủy) thành ông tổ của ngành tóc và thờ cúng tại gian chính của đình. Thực tế này đang cho thấy Thăng Long Tứ Trấn giờ đây chỉ mang tính định danh hơn là bản chất.

Đặc biệt, tham vọng đạt kỷ lục Việt Nam và khu vực của nhiều cơ sở tôn giáo, nhất là ở các chùa Phật giáo gần đây, đã góp phần phá hoại nghiêm trọng cảnh quan, môi sinh của các khu rừng đặc dụng gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường sinh thái. Không thể phủ nhận ảnh hưởng xấu của những biến đổi tôn giáo ở dạng này tới phát triển bền vững môi trường ở nhiều địa phương trong cả nước.

Chưa kể đến đội ngũ các thanh đồng, đạo quan trong thực hành thờ Mẫu, các Phật tử với số lượng tăng vọt trong vài chục năm trở lại đây cũng đã bộc lộ rất nhiều cá nhân có biểu hiện thoái hóa biến chất của người có đạo. Hiện tượng có không ít cá nhân coi tu hành, dựng điện là một nghề kiếm tiền đã gây ra những bất ổn cho xã hội và làm lung lay các giá trị văn hóa tôn giáo.

Hiện tượng lễ hội tôn giáo, lễ hội truyền thống mở tràn lan, rước sách rình rang ngoài đường giao thông, lễ hội theo kịch bản có sẵn từ các năm, lễ hội do các cơ quan văn hóa đứng ra tổ chức đã dẫn đến tình trạng mất dần bản sắc vùng miền, người dân từ chỗ là chủ thể tổ chức bây giờ là khách thể tham dự và đứng xem, vai trò chủ lễ vốn dĩ là do các vị chức sắc tôn giáo nay ở nhiều địa phương thay bằng quan chức địa phương. Ở Việt Nam có gần 8.000 lễ hội trong một năm, tính trung bình có 22 lễ hội/ngày. Đây là một sự lãng phí lớn về nhân lực và thời gian, tiền bạc, nhất là trong bối cảnh đất nước đang trong thời kỳ tích lũy tư bản để phát triển kinh tế. Tất cả những thực tế này cho thấy biến đổi tôn giáo nói chung, tôn giáo dân gian nói riêng cũng có hai mặt của nó, cả những cơ hội và đầy rẫy những bất cập thách thức các nhà quản lý hôm nay.

Kết luận

Biến đổi tôn giáo đang diễn ra ở tất cả các tôn giáo ở Việt Nam nói chung. Tuy nhiên, mức độ và cách thức biến đổi lại diễn ra không đều giữa các tôn giáo, do đó tác động và ảnh hưởng của nó

tới phát triển bền vững ở nhiều địa phương trong cả nước cũng khác nhau. Việc ngăn chặn tác động xấu của biến đổi tôn giáo đối với phát triển bền vững ở Việt Nam không còn là dự báo nữa mà phải thành chương trình hành động mạnh mẽ trên mọi phương diện từ quy hoạch chiến lược cho các cơ sở tôn giáo; có khung chuẩn cho các hoạt động thực hành và chế tài hữu hiệu với những vi phạm mới mong trả lại những giá trị đích thực của tôn giáo và tiệm cận với tiêu chuẩn phát triển bền vững ở Việt Nam./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Hà Đình Thành (chủ biên, 2013), *Phát triển bền vững văn hóa vùng Trung Bộ - Thực trạng, vấn đề và giải pháp*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr. 22.
- 2 Xem: Trung tâm KHXH & Nhân văn quốc gia (1994), *Văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội*, đề tài KX. 06.
- 3 Hà Đình Thành (chủ biên, 2013), *Phát triển bền vững văn hóa vùng Trung Bộ - Thực trạng, vấn đề và giải pháp*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr. 24.
- 4 Kết quả khảo sát tại Tây Nguyên Đề tài cấp Nhà nước “Tôn giáo với phát triển bền vững Tây Nguyên”, lưu tại Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
- 5 Xem thêm: Nguyễn Ngọc Mai (2011), Mạng lưới xã hội của các căn đồng, *Nghiên cứu Con người*, số 6.
- 6 Xem: Ferris, 2002; Greeley and Hout, 2006; Hadaway, 1978; Inglehart, 2010.
- 7 Xem: Greeley and Hout, 2006
- 8 Xem thêm: Nguyễn Ngọc Mai (2018) *Biến đổi tôn giáo truyền thống và phát triển bền vững ở Việt Nam*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ, lưu tại Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Andrew Greeley and Michael Hout (2006), *The Truth about Conservative Christians: What They Think and What They Believe*, Chicago: University of Chicago Press.
2. Hadaway (1978), *Life Satisfaction and Religion: A Reanalysis*, Source Social Forces
3. Nguyễn Ngọc Mai (2011), Mạng lưới xã hội của các căn đồng, *Nghiên cứu Con người*, số 6.
4. Nguyễn Ngọc Mai (2018), *Biến đổi tôn giáo truyền thống và phát triển bền vững ở Việt Nam*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ.

5. Trung tâm Khoa học Xã hội & Nhân văn Quốc gia (1994), *Văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội*, đề tài KX. 06.
6. Hà Đình Thành (chủ biên, 2013), *Phát triển bền vững văn hóa vùng Trung Bộ - Thực trạng, vấn đề và giải pháp*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
7. Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ nhiệm, 2016), *Phát huy giá trị của tôn giáo nhằm nâng cao đạo đức, lối sống của người Việt Nam*, Đề tài cấp Nhà nước.

Abstract

RELIGIOUS TRANSFORMATION AND ITS EFFECT ON SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN VIETNAM

Nguyen Ngoc Mai

Institute for Religious Studies, VASS

Religions are really an integral part of the system under the perspective of considering religions are a part of the social system with their functions and roles, along with the concept of sustainable development. If religions negatively change with instabilities or recession, they will directly affect the whole system, weakening the system. On the other hand, if religions thrive, but it is less positive developments, they will make the system weakened. It can be said that religious changes affect the implementation of sustainable development strategies. In this article, the author indicates the role of religions and the effects of religious changes on sustainable development in Vietnam.

Keywords: Transformation; religion; sustainable development; Vietnam.